

Hòa Thượng **THÍCH THANH TỪ**

MÊ TÍN CHÁNH TÍN

(Tái bản lần thứ hai)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

LỜI ĐẦU SÁCH

Chúng tôi viết quyển sách này cho những người mới bắt đầu học Phật. Bước đầu tuy tầm thường song không kém phần quan trọng, nếu bước đầu đi sai, những bước sau khó mà đúng được. Người học Phật khi mới vào đạo không hiểu đúng tinh thần Phật giáo, về sau sẽ hỏng cả một đời tu. Người có trách nhiệm hướng dẫn không thể xem thường kẻ mới học, cần phải xây dựng có một căn bản vững chắc, đi đúng đường hướng của Phật dạy. **Hiểu Phật giáo một cách đúng đắn, mới mong thành một Phật tử chân chánh.**

Vì muốn chỉ lẽ chánh tà để người mới vào đạo khỏi lầm lẫn, nên chúng tôi mạnh dạn chỉ thẳng những điều sai lầm hiện có trong Phật giáo. Làm như thế, không có nghĩa chúng tôi muốn vạch lưng chỉ theo cho kẻ khác thấy, mà cốt yếu muốn gây dựng lại một nếp sống Phật giáo phù hợp với hiện tại và mai sau. Chúng ta sống trong thời khoa học, cần phải truyền bá Phật giáo thích ứng với chân lý gần với sự thật. Bản chất của Phật giáo đã là chân lý, là sự thật, chúng ta đừng làm méo mó khiến kẻ bàng quan hiểu lầm Phật giáo. Với nhiệt tình, chúng tôi một bề đả kích những mê tín đang ẩn náu trong Phật giáo, để cho bộ mặt Phật giáo trắng sạch hơn, không còn những thứ lợ như làm lem luốc. Tinh thần tồi tà phụ chánh, chúng tôi chịu trách nhiệm những gì chúng tôi đã nói và hoàn toàn chịu trách nhiệm với những ai không hải lòng phiền trách chúng tôi.

Kính ghi

Thích Thanh Từ

MÊ TÍN CHÁNH TÍN

I. MỞ ĐỀ

Đạo Phật chủ trương giác ngộ mang ánh sáng trí tuệ soi rọi cho thế gian. Mọi lẽ thật đều hiện bày dưới ánh sáng giác ngộ, nhận thấy lẽ thật rồi mới khởi lòng tin đó là “chánh tín”. Ngược lại, bày những điều mê hoặc làm mù quáng người đời, lừa bịp thế gian, ấy là “mê tín”. Hoặc không hiểu rõ, không có lý lẽ, mà tin càn tin bướng là “mê tín”. Tin bướng là họa hại đưa con người đến đường mù tối. Thấy rõ biết đúng mới tin là sức mạnh vô biên khiến người thành công trên mọi lãnh vực. Thế nên trong kinh Hoa Nghiêm có câu: *“Tin là nguồn của đạo, là mẹ của mọi công đức. Tin hay nuôi lớn các gốc lành”*. Vì thế người học đạo cần có lòng tin, song lòng tin đã qua sàng lý trí gạn lọc kỹ càng. Tuyệt đối không được tin càn, tin bướng làm băng hoại tinh thần giác ngộ của đạo Phật. Chính trong kinh Di Giáo Phật dạy: “Xem tướng lành dữ, trông xem sao hạn, xem xét thanh suy, coi ngày đoán số đều không được làm ...”,

II. MÊ TÍN

Mê tín là lối tin mù quáng khiến con người mất hết trí thông minh. Những kẻ chủ trương mê tín là người làm hoặc loạn thế gian, đưa dân tộc lùi lại bán khai. Một tôn giáo chân chánh, một dân tộc văn minh, không cho phép mê tín len lỏi trong tín đồ mình, trong dân tộc mình. Thế mà đồng bào chúng ta, trong Phật giáo chúng ta, tệ đoan mê tín vẫn còn nhiều.

a) Đồng cốt

Đồng cốt là hiện tượng mê hoặc khủng khiếp. Những kẻ làm ông đồng, bà cốt đều là người sống trong trạng thái bất thường. Bản thân họ đã mất hết khả năng tự chủ, họ bị sai sử bởi một ma lực huyền bí nào đó. Khi ma lực ấy dựa vào họ, liền lạm dụng các danh hiệu thánh, những bậc vĩ nhân của thuở xưa dùng mạo xưng để lừa bịp người đời. Những kẻ yếu vía dễ tin nghe xưng danh hiệu Phật, Bồ tát hay những vị tiên thánh liền khiếp đảm kính tin. Họ không dám phê phán đó là tà hay chánh. Thế rồi, họ một mực quì mọp để được phong chức hoặc nhận phép lành. Họ bị gạt bằng những danh hảo trong cõi vô hình, hoặc bằng những bùa tà phép lạ, những huyền hoặc về quá khứ vị lai. Từ đây họ sống bằng ảo vọng mơ huyền, mất hết lý trí thực tại.

Chúng ta phải khám phá dẹp tan những lối mê hoặc ấy. Riêng về nhà Phật trong kinh đã dạy rõ, khi chứng đến quả Phật, Bồ-tát, A-la-hán muốn hóa độ kẻ hữu duyên liền dùng thần thông hiện giáo hóa, như Bồ-tát Quán Thế Âm, trong phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa chẳng hạn. *Không khi nào các bậc Thánh phải gá vào thân kẻ phàm tục khác làm việc giáo hóa.* Vì các ngài đầy đủ thần thông biến hóa vô ngại. Như thế, *những ma lực tựa vào đồng cốt đều là sức của quỷ thần.* Vì sợ người đời không tin, nên chúng mạo xưng những danh hiệu cho to để gây uy tín. Biết rõ tính cách ma mị của chúng, người Phật tử phải tránh xa, tuyệt đối không được phụ họa với chúng, huống hồ là quy kính. Có thể mới tỏ ra là người Phật tử chân chánh.

b) Lịch số, sao hạn

Thời gian không thật do khái niệm con người đặt ra, huống là trên thời gian lại đặt ra ngày tốt ngày xấu, năm lành năm dữ ... Thử đặt ra một thí dụ, chúng ta đốt một ngọn đèn đặt ở bên phải, lấy một cái gương tròn nhỏ để ở bên trái, cách nhau năm tấc tây, khoảng giữa đặt một quả bóng (trái banh). Chúng ta dùng tay xoay tròn quả bóng, phía nằm bên ngọn đèn là sáng, phía khuất ngọn đèn là tối, cứ xoay mãi, quả bóng đối chiếu tối sáng liên tục. Trục quay ấy có lúc tiến đến trước ngang ngọn đèn làm khuất ánh sáng soi vào mặt gương, ánh sáng mặt gương không phản chiếu vào quả bóng, có lúc lùi lại sau, ánh sáng ngọn đèn soi vào mặt gương, ánh sáng từ mặt gương phản chiếu lại quả bóng, phía khuất ngọn đèn. Có những con kiến ở trên quả bóng, thấy quả bóng mặt sáng gọi là ngày, mặt tối gọi là đêm, những lúc mặt gương không phản chiếu ánh sáng vào quả bóng gọi là ba mươi, những lúc mặt gương phản chiếu ánh sáng vào quả bóng đầy đủ gọi là rằm ... Lại đặt mặt sáng của quả bóng vòng một ngày là ngày tốt, vòng hai là ngày xấu ... Cảm thông được điều đó, chúng ta có tức cười cho loài kiến hay không? Quả thật, chúng bày biện một cách vô lý. Ngọn đèn, quả bóng, mặt gương đều là vô tri, động lực quay nó thì cứ quay vậy thôi, có gì là linh thiêng huyền diệu, mà chúng lại đặt là ngày tốt ngày xấu.

Cũng thế, nhật cầu, nguyệt cầu và địa cầu đều là vô tri, chúng quay gần nhau theo cái trục cố định, mặt địa cầu hướng về nhật cầu thì sáng, mặt khuất thì tối. Cái trục quay ấy có khi địa cầu xê tới che khuất ánh sáng nhật cầu không soi đến nguyệt cầu, có khi sứt lại, ánh sáng nhật cầu soi đầy đủ vào nguyệt cầu, ánh sáng nguyệt cầu phản chiếu lại mặt tối của địa cầu. Thế rồi, con người sống trên địa cầu trông vào sự sáng tối tùy khái niệm đặt thành ngày đêm và giờ

phút, theo sự phản chiếu của nguyệt cầu đặt ra rằm, ba mươi, thành tháng, năm. *Thời gian là do tưởng tượng của con người đặt ra không thật.* Phương chi trên thế gian ấy lại còn đặt thêm lành dữ tốt xấu... Quả thật *con người quá bày biện, quá rối ren. Đã bày biện ra rồi, tự cột trói mình.* Khi đã có ngày tốt ngày xấu, đi đâu phải chọn ngày tốt mới dám đi, làm gì phải đợi ngày tốt mới làm. Thậm chí cất nhà xây bếp cũng phải lựa ngày chọn tháng, định đôi gả lúa cũng phải coi tuổi hợp, không hợp. Con người bị bao phủ trong ổ tơ rối nùi ấy, rồi than khóc rồi khổ đau. Chính vì ngày tháng tuổi tác tạo ra cho con người không biết bao nhiêu đau khổ. Chúng ta hãy nghe người nông dân miền Nam nguyên rủa họ qua bài hát:

Cọp mà vật mầy ông thầy địa

Yêu mà nhai mầy chú coi ngày

Trớ trêu họ khéo đặt bày

Hai đứa mình thương thiệt,

Ông trời rày bảo thương.

c) Coi tay, xem tướng

Coi tay, xem tướng cũng có khi trúng, song ông thầy ấy luôn luôn nói câu thông: “Tay hay tướng của ông có hiện điều xấy, có thể đến tháng đó sẽ mắc nạn, nếu ông biết làm lành làm phước có thể qua”. Thế thì đến tháng đó, nếu người ấy mắc nạn thì khen ông thầy xem trúng, bưng không mắc nạn thì ông thầy đổ tại làm lành làm phước! Như thế, mặt nào ông thầy cũng hay hết. Nhưng chúng ta thử kiểm điểm xem, cả hai mặt mắc nạn và không, có lợi gì cho người đi coi không? Nếu coi tay tốn một số tiền, đến khi mắc nạn cũng phải tự chịu, ông thầy có cứu giúp cho mình được gì đâu. Nếu đến tháng thọ nạn, người coi tay không thọ nạn, cho là làm lành làm phước được qua thì mình tự cứu mình, ông thầy cũng không làm gì cho mình. Như vậy đi coi chi cho uổng tiền.

Hơn nữa ở đầu quyển sách tướng có bài kệ:

Hán:

Hữu tâm vô tướng

Tướng tự tâm sanh

Hữu tướng vô tâm

Tướng tùng tâm diệt

Dịch:

Có tâm tốt không tướng tốt

Tướng tốt theo tâm tốt sanh

Có tướng tốt không làm tâm tốt

Tướng tốt theo tâm xấu mất.

Thế thì, chúng ta cần *phát tâm tốt làm việc tốt thì điều tốt sẽ đến*. Chúng ta chứa chấp những tâm niệm xấu xa thì mọi điều dữ sẽ đến. Điều căn bản là chúng ta làm tốt hay làm xấu, quả tốt xấu sẽ đến với chúng ta. *Không phải quan trọng ở bàn tay hay tướng mạo*. Thế mà, chúng ta không ứng dụng ngay cội gốc, lại chạy theo ngọn ngành, hao phí tiền bạc một cách vô ích, *đó gọi là mê tín*.

d) Xin xăm, bói quẻ

Xin xăm bói quẻ là một việc làm cầu may. Rủi may là điều xảy ra không có duyên cớ. Phó thác hành động của mình, cho đến phó thác cả đời mình vào chỗ không có duyên cớ, thật là tệ hại. *Thánh, Thần có rảnh đâu mà ngồi sẵn trên bàn để ứng hiện trong xăm quẻ cho quý vị*. Nếu người xin xăm bói quẻ có trúng, chẳng qua phước nghiệp, lành dữ của mình mà hiện ra. Như sách nói: “Phước chí tâm linh, họa lai thần ám”. Nghĩa là người gặp lúc phước đến thì giờ quẻ ra đều tốt, khi họa lại thì rút lá xăm nào cũng xấu. Thế là *tốt xấu tại mình, không phải tại xăm quẻ*. Chúng ta cứ sửa mình cho tốt thì mọi việc đều tốt, đi xin xăm bói quẻ làm gì? Xin xăm bói quẻ chỉ khiến chúng ta lo sợ thêm. Ca dao Việt Nam có câu:

Tay cầm tiền quý bo bo

Dem cho thầy bói mang lo vào mình.

Làm việc không lợi ích, lại tốn hao tiền bạc, mang lo sợ vào lòng, không phải mê tín là gì?

e) Cúng sao xem hướng

Lễ cúng sao hạn, thật là lạc hậu lỗi thời, sao là những hành tinh cách xa chúng ta bao nhiêu ngàn cây số. Nó là cái gì mà chúng ta phải cúng! Tục lệ các chùa quê, vào ngày mùng chín tháng giêng là cúng sao hội. Người Phật tử nào không gửi tên cúng sao, xem như năm ấy không được bảo đảm an ninh. Song người chủ cúng sao cho quý vị, có bảo đảm an ninh chưa? Có lẽ quý vị ấy quên ghi tên mình trong bài sớ cúng sao chớ gì? Thật là vô lý, đạo lý nhân quả đức Phật dạy rành rành trong Kinh, mà người ta bất chấp. Thân tổng báo của chúng ta có lẫn lộn với dữ, khi nhân lành đến thì hưởng quả lành, khi nhân dữ đến thì chịu quả dữ, không thể chạy trốn được. Chỉ có tạo nhân lành nhiều, khi quá dữ đến sẽ nhẹ đi hay giảm bớt. Ví như trước kia chúng ta đã làm khổ một người, vì lúc đó họ thiếu khả năng trả thù nên dường như thông qua. Đến lúc nào đó, họ đủ điều kiện trả thù, nếu chúng ta không được nhiều người thương che chở thì quả đó sẽ đúng với nhân kia. Ngược lại, nếu chúng ta được quá nhiều người ủng hộ che chở, quả phải trả sẽ nhẹ hoặc giảm mất cũng có. Bởi thế nên, *sợ quả khổ không gì hơn, chúng ta phải tạo nhân vui. Không nên cúng sao cúng hạn để cầu được an vui là điều phi lý.*

Xem hướng cất nhà, xây bếp cũng là một lối mê tín. Có lắm người trong nhà chồng vợ bất hòa, con cái ngỗ nghịch, liền rước thầy đến xem hướng sửa cửa, đổi bếp. Nếu cửa và bếp biết nói, sẽ cãi lại với bà chủ nhà rằng: “Cãi lầy nhau tại ông bà không biết nhường nhịn nhau, chúng tôi có tội lỗi gì mà phải dời chỗ này đổi chỗ kia?”. Những việc làm này đủ nói lên người ta trốn tránh trách nhiệm, không bao giờ dám nhìn thẳng những sai quấy lỗi lầm của mình, tìm cách đổ lỗi cho cái gì mà không thể cãi lý được với họ. Như thế dù họ có sửa đổi trăm ngàn lần, lộn xộn vẫn lộn xộn, bất an vẫn bất an. Vì cái chủ động trong việc bất an ấy, có chịu sửa đổi đâu. Thế nên, người học đạo phải thấy rõ chỗ vô lý này, không nên làm lẫn một cách tối dốt như vậy.

f) Đốt giấy tiền vàng mã

Tục đốt giấy tiền vàng mã lại là việc vô lý trên vô lý. Không thể người có đôi chút nhận xét, lý luận mà chấp nhận việc ấy được. Chính trên thế gian này, *đồng tiền của nước này mang sang nước khác còn khó được chấp nhận, huống là nhân gian in, xuống âm phủ xài, có lý lẽ gì tin được.* Những chiếc lều bằng giấy, quần áo bằng giấy, làm xong đốt rồi gửi xuống âm phủ cho thân nhân

dùng, quả là việc làm phí của vô ích. Thử hỏi thân nhân họ là cái gì mà chờ đốt quần áo gửi xuống. Họ đều là đồ vô chủ cô hồn hết sao? Hay họ đã theo nghiệp lành dữ mà sanh nơi khác? Nếu là Phật tử còn không ai rõ Phật dạy: “Chúng sanh tùy nghiệp thiện ác, theo đó thác sanh nơi cõi lành cõi dữ”. *Thân nhân chúng ta chết cũng theo nghiệp thọ sanh, chớ đâu ngồi chờ chúng ta gửi nhà cửa áo quần xuống xài.* Như thế, *việc làm ấy vừa trái đạo lý, vừa phí tổn tiền bạc vô ích.* Người Phật tử không bao giờ chấp nhận việc làm mù quáng ấy.

III. TAI HẠI MÊ TÍN

a) Quàng xiên khờ khạo

Người mê tín theo quỷ thần là tin một cách quàng xiên không có căn cứ, không có lý luận, tin bướng tin càn, mất hết lý trí, trở thành con người khờ khạo. Đó là hình ảnh những người tin vào ông đồng bà bóng, xác cô xác cậu tạo nên. Tại sao họ như thế? Bởi vì họ gửi gắm tâm hồn vào sự huyền bí, vào thế giới vô hình, họ mất hết trí thông minh thực tế. Có khi họ gần như người điên nói lảm nhảm một mình, hoặc nói những điều đầu đầu vô căn cứ ...

b) Bị cột trói, ích kỷ, tàn nhẫn

Người mê tín vào lịch số, ngày giờ, là kẻ bị cột trói một cách thảm hại. Họ không bao giờ dám quyết định một việc làm thích hợp với thời biểu hiện tại. Họ đợi giờ lịch xem giờ tốt hay xấu, ngày lành hay dữ. Thế rồi họ bị chết khô trong cái rọ ngày giờ. Bởi quen lựa ngày giờ tốt xấu, nên họ trở thành con người ích kỷ dễ sợ. Có những việc đáng làm ngay lúc đó để giúp người, họ lại sợ giờ xấu rồi không chịu làm. Cho đến việc ma chay cha mẹ, họ vẫn lựa ngày tốt, giờ tốt để lợi cho con cháu họ, không nghĩ gì đến người chết. Có khi còn dùng thuật trừ ếm, nếu cha mẹ họ chết nhằm ngày trùng. Thật là tàn nhẫn, họ không còn chút tình thương đối với người chết. Mọi việc ma chay, chọn lựa ngày giờ, họ đề một bề vì họ. Những người ấy lúc nào họ cũng nơm nớp lo sợ, trên đầu trên cổ họ đã cột sẵn trăm ngàn mối dây năm tháng ngày giờ, không cho họ thông thả một phút giây nào.

c) Khiếp nhược mất tự tín

Người tin vào bói xăm, sao hạn ... là con người khiếm nhược mất tự tín. Bởi không tự tín nên làm việc gì họ cũng phải đi hỏi thần, hỏi thánh. Họ lo âu, sợ hãi năm nào gặp sao La Hầu, Kế Đô. Nhân lành họ không chịu tạo, nhân dữ không chịu tránh, mà một bề sợ sao sợ hạn, quả là những con người mù mịt, tối tăm. Họ sợ những cái không đáng sợ, họ cầu những điều không thể cầu, thật là oái ăm vô lý. Người Phật tử thấy rõ lẽ tà chánh ấy, can đảm quăng đi những tục sai lầm, mới có thể sống với tinh thần đạo giác ngộ.

IV. CẦU NGUYỆN LÀ CHÁNH TÍN HAY MÊ TÍN

Trong nhà chùa mỗi khi tụng Kinh, mọi Phật sự đều có cầu nguyện. Sự cầu nguyện này là chánh tín hay mê tín? Câu hỏi này không thể trả lời một chiều, tùy chỗ hiểu biết của mỗi người, *sự cầu nguyện là mê tín, cũng là chánh tín.*

a) Mê tín

Nếu chúng ta khẳng định mọi sự cầu nguyện đều được toại nguyện, đó là mê tín. Vì sao? Bởi vì, nếu cầu nguyện mà được, thì không cần nói đến nhân quả nghiệp báo. Nếu mọi sự kiện xảy ra đều do nhân quả thì sự cầu nguyện khó mà toại nguyện. Bởi lẽ, thế gian có kẻ tạo nghiệp lành, người tạo nghiệp dữ. Người tạo nghiệp lành khi phước báo đến thì được như nguyện. Kẻ tạo nghiệp dữ khi nghiệp báo đến, dù có nguyện cầu cũng khó thoát khỏi quả khổ. Thế thì làm sao dám cố định cầu nguyện là được như ý. Người chấp cố định, là sai lầm không hợp lý, nên thuộc mê tín.

b) Chánh tín

Chúng ta chỉ xem cầu nguyện như những lời chúc lành là chánh tín. Vì quý kính cha mẹ, quý kính người thân, chúng ta hằng cầu nguyện cho những vị ấy song có được như nguyện hay không, còn tùy thuộc phước duyên dày mỏng của những vị ấy. Mặc dù không được như nguyện, cũng nói lên được lòng hiếu thảo chân thành của chúng ta. Cũng như vì hiếu kính những người trưởng thượng, những bạn bè thân hữu, đầu năm mọi người chúc lành cho nhau. Những lời chúc lành này không hẳn thể hiện được, nhưng cũng nói lên được lòng quý mến nhau.

Hơn nữa, người tu Phật cầu nguyện với mục đích phá tan tâm niệm vị kỷ của mình. Bất cứ một Phật sự nào, chúng ta đều hồi hướng nguyện cầu cho tất cả chúng sanh đều thành Phật đạo. Mới nghe qua dường như những lời nguyện suông, không thể thực hiện được. Song trên tinh thần phá ngã, cứ lập tới, lập lui mãi tâm niệm vì tất cả chúng sanh, khiến người ta quên bằng bản ngã riêng tư của mình. *Mọi việc làm đều không phải vì mình, không được nghĩ lợi ích riêng cho mình, mà phải vì nhân loại, vì tất cả chúng sanh.* Hằng ngày cứ huân tập mãi tâm niệm này, đến một khi nào đó, chúng ta không còn thấy bản ngã riêng, đồng hóa mình và chúng sanh khác. Thế là chúng ta phá được chấp ngã và phát tâm đại từ bi, xem mọi khổ vui của người như của chính mình. Hiểu cầu nguyện và ứng dụng cầu nguyện như vậy, quả thật là chánh tín.

V. CHÁNH TÍN

a) Tin nhân quả

Đứng về chiều thời gian, vạn vật hiện có trong vũ trụ này, không một vật nào thoát ngoài nhân quả mà được hình thành. Trên tiến trình sanh diệt, quyết hẳn vạn vật từ nhân tiến đến quả, từ quả trở lại nhân. Nhân quả, quả nhân xoay vần không dứt. Đó là hiện tượng sanh hóa trên cõi nhân gian. Nghiệm xét thấu đáo, chúng ta không thấy có một vật gì không nhân mà có, ngẫu nhiên mà thành. Thấy rõ lý nhân quả, chúng ta khéo uyển chuyển cái xấu trở thành tốt, cái dở trở thành hay. Thấy rõ nhân quả, chúng ta nắm chắc quyền tự chủ, tạo dựng tương lai tươi đẹp cho chính mình. Lý nhân quả vừa là khoa học vừa là sức mạnh chuyển tiến của con người. Tìm hiểu tường tận lý nhân quả là người thông minh. Biết ứng dụng lý nhân quả là người tiến bộ. Khảo sát theo nhân quả là lý luận chặt chẽ, là hiểu biết thấu đáo. Cho nên nghiệm xét lý nhân quả tường tận rồi, chúng ta tin tưởng là chánh tín.

b) Tin nhân duyên

Đứng về mặt không gian, vạn vật trong vũ trụ đều do nhân duyên hợp thành. Không một vật nào do một đơn vị làm nên, mà phải nhiều đơn vị hợp lại mới thành hình. Chính thế, lý nhân duyên thích ứng với tinh thần phân tích của khoa học hiện nay. Nếu sự vật do một đơn vị làm nên thì còn gì phân tích. Bởi nhiều đơn vị hợp thành một vật thể, người ta mới phân tích chia ra nhiều đơn vị, nhiều loại. Nhỏ nhất như một nguyên tử, người ta phân tích trong đó vẫn có

nhiều phần hợp thành, hướng là những vật thể to tát. Do đó, chúng ta thấy rõ lý nhân duyên nhà Phật nói, là một lẽ thật, đúng với tinh thần khoa học hiện thời. Hiểu được lý nhân duyên, chúng ta phá tan cái chấp lầm vô nhân và nhất nhân. Hiểu được lý nhân duyên, chúng ta thấy rõ muôn vật trên thế gian có sự liên quan chằng chịt với nhau. Chúng ta không thể tách một cá thể đứng ngoài tập thể, một cá nhân đứng ngoài nhân loại. Đây là lý do khiến dẹp được qua niệm cá nhân ích kỷ. Chúng ta tích cực xây dựng nên hạnh phúc chung cho nhân loại, không riêng của một cá nhân. Tin lý nhân duyên là tin bằng trí tuệ, bằng khoa học, cho nên chánh tín.

VI. LỢI ÍCH CHÁNH TÍN

a) Trí tuệ

Nhận rõ lý nhân quả, lý nhân duyên là tác dụng của trí tuệ. Chính do nhận xét thấu đáo, phân tích rành mạch, khiến trí tuệ càng ngày càng phát triển. Nếu một đối tượng trước mắt, chúng ta cứ thầm nhận là tự nhiên nó có, do tạo hóa làm nên, thế là còn gì phải nhận xét, phải phân tích. Cứ thế mãi, trí tuệ sẽ cùn mòn, không thể nào bén nhạy được. Đó là cái cơ khiến người ta lười suy xét, lâu ngày trở thành tâm trí ù lì chai cứng. Người Phật tử phải sống bằng trí tuệ, nên thấy rõ vạn vật sanh thành hoại diệt đều nằm trong hệ thống nhân quả, nhân duyên. Sự vật hiện có mà không do nhân quả, nhân duyên là phi lý luận, phản khoa học. Vì thế người chánh tín là người thực tế, khoa học, nhận xét bằng trí tuệ.

b) Chịu trách nhiệm

Thâm đật ký nhân quả nhân duyên, người ấy sẽ nhận lấy trách nhiệm nên hư, hay dở, tốt xấu đều do mình. Mình là chủ động gây thành nhân tốt, tạo ra duyên lành. Mọi việc đều không được tốt lành là do mình không chịu gây tạo, đây là lỗi tại mình nào phải tại ai. Biết thế, chúng ta không trốn tránh, không kêu than, trái lại can đảm chấp nhận để rồi xoay chuyển. Bởi nhận rõ nhân quả nhân duyên, chúng ta xét một sự kiện xảy ra tốt xấu, phát xuất từ nhân nào, hội đủ nhân duyên gì mới xảy ra như thế. Thế thì dù có việc dở việc hay, chúng ta đều thấy rõ không lầm. Chúng ta nỗ lực cố gắng tạo điều kiện để chuyển đổi nó. Chịu trách nhiệm để chuyển đổi, không phải chịu trách nhiệm để thông qua, đó là tinh thần của người chánh tín.

c) Tự tín

Biết rõ dở hay do mình, quả thật mình là chủ nhân của mọi thành bại. Đau khổ an vui, chính mình là người tạo ra. Ngày mai tươi sáng, ngày mai tối tăm, ta là người chủ động. Do thiếu hiểu lý nhân quả, nhân duyên, con người sẽ có sức tự tín mãnh liệt. Nhờ sức tự tín, con người mới cố gắng chuyển đổi, vươn lên trong mọi lãnh vực. Mọi dân tộc có đức tự tín, không bao giờ cam chịu khuất phục, chậm tiến. Có tự tín là có một sức mạnh phi thường. Có tự tín, sự tu hành mới không thối chuyển.

VII. KẾT LUẬN

Mê tín và chánh tín là hai con đường tối sáng khác nhau. Nếu đi bên tối là không thấy được sáng, nếu đi bên sáng thì không kẹt trong tối. Đạo Phật chủ trương chánh tín, không bao giờ chấp nhận mê tín. Do vì người truyền đạo không thông lý đạo, nên ghép những tập tục thế gian vào trong đạo, khiến người ta hiểu lầm đạo Phật mê tín. Bản chất của đạo Phật là trí tuệ, là giác ngộ, làm sao dung nạp được mê tín. Nếu người ta thấy trong chùa chiền hiện nay còn những hiện tượng mê tín, vội phê bình đạo Phật mê tín. Tất cả những kinh Phật không có nói những việc mê tín ấy, chẳng qua một số người vì tùy tục, vì thiếu hiểu Phật pháp vẽ bày ấy thôi. Người học Phật chân chánh phải gan dạ loại bỏ những tập tục sai lầm ấy, can đảm dứt khoát đập tan mọi tệ đoan làm suy giảm giá trị Phật pháp. Có khi dẹp bỏ những điều đó, có thể thiệt thòi chút ít quyền lợi của mình. Song chúng ta cương quyết vì chánh pháp, chớ không vì lợi dưỡng, vì đưa người ra khỏi đường mê, không vì sợ mất mát bốn đạo. Được thế, chúng ta mới xứng đáng là người lãnh đạo tín đồ, mới không hổ thẹn là hàng Tăng Bảo.

TỘI PHƯỚC

I. MỞ ĐỀ

Nói đến tu hành là nói đến tội phước, nếu không rõ tội phước tức là không rõ sự tu hành. Nếu người tu mà cứ lao mình trong tội lỗi, ấy là người tạo tội chớ không phải là người tu hành. Mọi sự an vui và đau khổ gốc từ tội phước mà

sanh ra. Vì thế muốn thấu hiểu sự tu hành chúng ta phải thấu hiểu tội phước. Tội phước là những hành động thiết thực trong cuộc sống này, không phải là chuyện siêu huyền mờ ảo đâu đâu. Thế nên người tu hành phải thấu đáo phải phân rành vấn đề tội phước.

II. THẾ NÀO LÀ TỘI

Tội là hành động làm cho mình và người đau khổ trong hiện tại và vị lai. Người làm tội cũng gọi là người dữ, người xấu. Tội, có tội ngoài đời và tội trong đạo. Tội ngoài đời là những kẻ phạm luật pháp nhà nước, bị tù đầy đau khổ. Tội trong đạo có hai loại: Tội do hứa nguyện gìn giữ mà không giữ, tội làm đau khổ chúng sanh. Tội do hứa nguyện gìn giữ làm không giữ, như trước nhận giữ năm giới hoặc mười giới là điều cao cả quý báu, ở trước Tam Bảo nguyện trọn đời gìn giữ, mà sau này không giữ được một hoặc nhiều điều, gọi là tội phạm giới. Tại sao phạm giới gọi là tội? Bởi vì trước mình đã nhận định những giới luật đó là hay là đúng, nếu giữ được sẽ lợi ích cho mình và chúng sanh, nên nguyện gìn giữ. Sau này mình không gìn giữ, thế là đã phá hoại sự lợi ích của mình và của chúng sanh nên phạm tội. Thí dụ như giới ăn trộm chẳng hạn. Bất cứ một hành động nào làm khổ cho người hiện tại hoặc mai kia đều là tội. Bởi vì mình đã gây ra nhân đau khổ thì quả đau khổ mình phải lãnh lấy. Do làm khổ mình khổ người nên gọi là tội. Tội có tội nhẹ và tội nặng.

a) Tội nhẹ

Những điều làm đau khổ cho người cho chúng sanh do thân miệng chúng ta gây ra mà không cộng tác với ý là tội nhẹ. Bởi vì việc làm ấy là vô tâm, hoặc không có ý thức. Việc làm vô tâm, khi nạn nhận cảm thông được, họ sẽ bớt thù hận, nếu họ địa lượng có thể tha thứ luôn. Thí dụ chúng ta đi đường, có đứa bé cầm hòn đất ném chơi, lại trúng vào chúng ta. Nếu chúng ta biết nó không có ý ném mình, tuy đau điếng mà chúng ta không giận nó. Thế nên mọi hành động bằng thân bằng miệng làm đau khổ cho người mà không có ý thức là tội nhẹ, xin lỗi hoặc sám hối sẽ hết. Việc làm đau khổ chúng sanh chút ít cũng là tội nhẹ.

b) Tội nặng

Những điều làm đau khổ cho người cho chúng sanh do thân miệng cộng tác với ý chúng ta gây ra là tội nặng.

Bởi vì việc làm ấy là cố tâm, có hữu ý, khiến người oán giận không thể tha thứ. Thí dụ như có người cố tình đánh chúng ta, dù cái đánh ấy bị cản trở không chạm đến thân chúng ta song biết kẻ ấy cố tình đánh mình, chúng ta cũng giận họ đời đời. Vì thế hành động cố tâm, hữu ý là hành động quan trọng nên tạo thành tội nặng.

Thế nên tội phát xuất từ ba nghiệp chúng ta. Nơi thân: Giết người, trộm cướp, tà dâm. Nơi miệng: Nói dối, nói hai lưỡi, nói thêu dệt, nói hung ác. Nơi ý: Tham, sân và tà kiến. Sự hợp tác chặt chẽ của ba nghiệp này là tội nặng.

III. THẾ NÀO LÀ PHƯỚC?

Phước là những hành động đem lại sự an vui cho mình, cho người ở hiện tại và mai kia. Người làm phước cũng gọi là người lành, người tốt. Bởi vì những hành động đem lại sự an vui cho người, người sẽ quý mến. Chính sự quý mến ấy nên gặp nhau vui vẻ và sẵn sàng giúp đỡ nhau. Chúng ta giúp đỡ hoặc an ủi khiến người được an vui, người thù đáp lại chúng ta bằng cử chỉ biets ơn vui vẻ quý mến, đó là làm phước gặp phước. Vì thế người biết làm phước hiện tại được an vui, mai sau vẫn an vui. Làm phước có hai thứ: Phước hữu lậu và phước vô lậu.

A) Phước hữu lậu

Làm cho mình cho người an vui tương đối trong vòng sanh tử là phước hữu lậu. Do ba nghiệp chúng ta hoạt động đem lại sự an vui cho người, chính hành vi ấy là sanh diệt giới hạn, còn trong vòng sanh tử hiện tại cũng như mai sau. Chúng ta phải nỗ lực tạo điều kiện cho mình và mọi người thường được an vui. Muốn thực hiện được việc đó, ngay nơi ba nghiệp chúng ta phải ứng dụng các điều này:

1. Về thân

a) *Cứu mạng*: Chúng ta phải sẵn sàng cứu giúp bảo vệ sanh mạng người. Nếu người gặp tai nạn sắp mất mạng, theo khả năng mình, chúng ta tận tâm cứu giúp. Giải cứu cho người thoát chết, hoặc ngừa đón những sự việc có

thể làm nguy hiểm đến sanh mạng người, đó là việc làm phước của thân. Bởi vì sanh mạng đối với con người là tối thượng, cho nên ai giải cứu khỏi chết, là an vui và biết ơn vô kể.

b) *Bố thí*: Kế đến, sẵn sàng cứu giúp người khi gặp cảnh cơ hàn nguy khốn. Nỗi khổ đói rét cũng đe dọa đến sanh mạng, người đang lâm vào cảnh khổ này, nếu được cứu giúp, họ cũng vui mừng vô hạn. Chúng ta muốn được an vui thì phải sẵn sàng mang sự an vui bủa khắp mọi người, đó là nền tảng phước đức. Hạnh phúc không phải đến riêng với chúng ta, mà do sự thù đáp từ hạnh phúc của mọi người mang lại. Chúng ta đừng đại khờ cứ bo bo giữ lấy tài sản vô thường làm của riêng mình, cần phải ban bố cho những người đang thiết tha cần nó. Những cái vô thường mà cứ giữ, có ngày sẽ đau khổ khi nó không còn ở trong tầm tay mình nữa. Mượn của cải vô thường làm phương tiện an vui cho người, nguồn an vui ấy sẽ trở về với chúng ta một cách bền vững lâu dài.

c) *Trinh bạch*: Cần phải giữ hạnh trung thành trinh bạch. Người biết đạo lý đã không dám xâm phạm đến danh giá và hạnh phúc của gia đình người, còn phải trung thành trinh bạch với gia đình mình. Tinh thần trung trinh ấy giúp cho người trong gia đình tín cẩn lẫn nhau. Do sự tín cẩn mại mê trong gia đình được sự an ổn vui tươi. Trong gia đình đã thế, chúng ta cần nhắc nhở chỉ dạy cho mọi người chung quanh đều tập hạnh trung trinh này. Được thế, sự an vui không những chỉ ở trong phạm vi gia đình, mà tràn lan đến xã hội.

2. Về miệng

Tu phước ở miệng phải tập bốn điều này:

a) *Nói chân thật*: Nói chân thật để đem lại niềm tin tưởng an ổn cho người. Bất cứ ở trường hợp nào, chúng ta cũng cố gắng nói lên những lẽ thật. Luôn luôn tôn trọng và yêu chuộng lẽ thật, cho nên phát ngôn lúc nào cũng hợp với sự thật. Chân thật là nguồn gốc tin yêu nhau, do đó mọi sự mến thương được bền bỉ.

b) *Nói đúng lý*: Nói đúng lý để giúp mọi người nhận được lẽ chánh. Trong cuộc sống phức tạp này khiến mọi người khó tìm được con đường chánh. Cho nên chúng ta cố gắng nói ra lời đúng lý, hầu làm sáng tỏ mọi chỗ ngờ vực của người. Sống đúng, nói đúng, thật là sự hi hữu trong cuộc đời hỗn độn hiện nay.

Chúng ta mãi tôn trọng câu “mặc người phi pháp, chúng ta vẫn giữ đúng pháp”.

c) *Nói hòa thuận*: Nói hòa thuận để đem lại tình đoàn kết cho mọi người. Tất cả việc làm phân ly chia rẽ đều là tạo nên thống khổ cho con người. Chúng ta đã không làm thế, mà luôn luôn dùng lời hòa thuận để hàn gắn lại những mối tình đã rạn nứt. Ngôn ngữ chúng ta phát ra đều đem lại tình thương gắn bó cho mọi người. Thấy đâu có sự rạn nứt, có mầm tan rã, chúng ta đều nỗ lực dùng lời hòa thuận là chất keo hàn gắn lại. Tận dụng ngôn ngữ mình để đem lại tình đoàn kết an vui cho nhân loại.

d) *Nói nhã nhặn*: Nói nhã nhặn để đem lại sự ôn hòa vui vẻ cho người. Mọi sự căm phẫn, bức tức đều làm cho người đau khổ. Chúng ta tập nói nhã nhặn là làm dịu mọi sự bức dọc của người. Lời nói nhã nhặn khiến người dễ mến và vui vẻ. Trọn đời chúng ta đem lại sự an vui cho chúng sanh, không có lý do nào lại dùng lời thô ác. Chúng ta phải thực hiện lời nhã nhặn mãi mãi với mọi người.

3. Về ý

Chúng ta phải tập từ bi, nhẫn nhục và chánh kiến. Mang lại tình cho chúng sanh là tiêu diệt mầm tham lam độc ác. Nỗi khổ của chúng sanh ngập trời đều do lòng tham ác của con người tạo nên. Chúng ta tận lực gây dựng tình thương để giảm thiểu đau khổ cho chúng sanh. Tập lòng nhẫn nhục để chịu đựng mọi cảnh ngang trái mà không sanh sân hận. Có nhẫn nhục được, chúng ta mới giữ được tình thương lâu dài với chúng sanh. Chánh kiến là nhận định đúng đắn, đưa chúng ta đi đúng hướng, sáng suốt vui tươi. Do chánh kiến mới có nói đúng, làm đúng. Ba nghiệp tạo phước, chánh kiến là đội binh tiên phong. Tóm lại, ba nghiệp làm mười điều trên là tu phước hữu lậu. Phước này khiến chúng ta qua lại trên con đường an vui tươi đẹp. Mặc dù còn tương đối sanh tử, song đến đâu cũng là hải lòng mãn ý.

B) Phước vô lậu

Phước vô lậu là sự an vui tuyệt đối không giới hạn. Do thoát ly sanh tử nên an vui miên viễn. Bởi sự an vui nào mà còn sanh tử đều tạm bợ đối đãi. Chỉ có tiêu diệt hết mầm sanh tử, an trụ vô sanh, mới là an vui viên mãn. Tu phước vô lậu là chúng ta nhắm hướng vô sanh làm mục đích, hàng ngày buông xả cái chủ động sanh diệt và dùng trí thấy rõ các tướng giả dối sanh diệt, không làm,

không kệt nó. Cứ thế tiến mãi, cho đến bao giờ viên mãn mới thôi. Mình làm như vậy, chỉ dạy người làm như vậy là tu phước vô lậu.

IV. CẦN TRÁNH TỘI LÀM PHƯỚC

a) Tránh tội

Đã biết tội là nhân khổ đau bất như ý, chúng ta cố gắng tránh đừng gây nên tội. Cuộc đời đã khổ đau lắm rồi, chúng ta không thể làm cho nó tươi đẹp, ít ra cũng đừng tô thêm cho đậm nét khổ đau. Tránh gây khổ đau cho người tức là tránh tạo khổ cho mình. Có ai ngu dại đến nỗi lấy dây tự trói, lấy roi tự đánh, để rồi kêu khóc thở than. Mầm khổ đau không gieo thì cây khổ đau là sao đâm chồi nảy lộc. Biết thế, chúng ta dè dặt tối đa trong việc gieo nhân đau khổ. Dù một tội nhỏ, tránh được, chúng ta cũng cố gắng tránh. Như trong Luật nói: “Giọt nước tuy nhỏ, rơi mãi cũng đầy chậu lớn”. Người biết sợ tội là người sẽ khỏi tội. Chỉ có kẻ liều mạng xem thường tội lỗi, càng lún sâu trong tội lỗi. Đã có tội lỗi là có khổ đau, như có hình thì có bóng, có tiếng thì có vang. Người học đạo phải sáng suốt thấy rõ lý lẽ ấy, đừng không làm, làm khổ mình khổ người.

b) Làm phước

Hạnh phúc an vui là điều ai cũng mơ ước, mong mỏi. Người học đạo không ước mơ mong mỏi suông, phải thực tế gây dựng hạnh phúc cho người tức là gây dựng hạnh phúc cho mình. Hạnh phúc không thể ngẫu nhiên đến với chúng ta, mà do công phu bồi đắp. Một hành động, một lời nói, một ý niệm mầu đem an vui lại cho người, chính là gây dựng hạnh phúc cho ta. Trong cuộc đời tương phản, kẻ buông xả hết lại là người được nhiều nhất. Ngược lại, người cố giữ gìn lại là người mất mát nhất. Tạo hạnh phúc cho mình, không phải bo bo gìn giữ những cái gì của mình mà phải xả bỏ cái của mình, tạo cho người an vui. Chúng ta làm cho trăm ngàn người an vui, quả thực đã tạo trăm ngàn điều an vui cho chúng ta. Vì thế làm phước không bao giờ thấy đủ, chúng ta làm mãi đến suốt đời, mà vẫn thấy chưa xong. Có một lần đức Phật đang ngồi trong một tịnh xá, ở phòng khác ngày A-na-luật đang xỏ kim vá ý, vì mắt không tỏ, Ngài xỏ hoài mà chẳng được. Ngài buột miệng than: “Có ai mắt sáng làm phước xỏ kim hộ tôi”. Đức Phật nghe, Ngài đi đến chỗ A-na-luật bảo: “A-na-luật! Đưa kim ta xỏ hộ”. Thế Tôn đầy đủ vô lượng phước đức, mà còn mót từ cái phước xỏ kim.

Thử hỏi chúng ta làm gì mà không cố gắng làm phước? Phước càng to thì an vui càng lắm, có thiệt thòi gì đâu mà không chịu làm!

V. KẾT LUẬN

Tội phước là điều thực tế trên cõi nhân gian. Cổ động khuyến khích người tránh tội là hành động giảm thiểu khổ đau cho nhân loại. Tán thán ca ngợi làm phước là mạng lại hạnh phúc an vui cho chúng sanh. Lý đáng mọi người chúng ta đều tận lực làm điều này. Vô lý những kẻ đã không làm, lại công kích người khác làm. Còn ai không xót xa khi thấy con người sát phạt con người. Người có lương tâm, đầy lòng trắc ẩn không thể ngó lơ trước huynh đệ tương tàn. Cho nên tránh tội làm phước là điều mỗi con người chúng ta phải ứng dụng. Biết tội phước là cội nguồn của đạo đức. Song chúng ta đừng bị phỉnh gạt bằng những tội phước rỗng. Tội là cấy mầm đau khổ nơi con người, phước là gieo hạt hạnh phúc cho chúng sanh. Thực tế như vậy, không phải việc huyền hoặc viễn vông.

NGHIỆP BÁO

I. MỞ ĐỀ

Mọi việc khổ vui trong kiếp hiện tại của chúng ta đều do nghiệp quá khứ và hiện tại chi phối. Nghiệp lành thì được vui, nghiệp ác thì chịu khổ, chúng ta chỉ biết sợ khổ, cầu vui mà không biết tránh nghiệp ác, tạo nghiệp lành. Thế chẳng khác nào kẻ sợ bóng mà cứ đứng ngoài trời nắng, muốn nghe nhạc mà bịt lỗ tai. Một khi nghiệp quả đến, chúng ta dù muốn dù không, tất nhiên cũng phải chịu. Bởi nó là kết quả do hành động của chính mình đã tạo. Mình làm, rồi mình chịu, đó là lẽ công bằng hợp lý của kiếp người.

II. ĐỊNH NGHĨA

Nghiệp báo nói đầy đủ là nghiệp quả báo ứng. Bởi vì nghiệp nhân chúng ta đã gây thì nghiệp quả phải đến. Sự báo đáp thù ứng cân xứng nhau giữa nghiệp nhân và nghiệp quả. Trước tiên chúng ta cần biết chữ nghiệp.

a) **Nghiệp:** là dịch nghĩa chữ Karma tiếng Phạn, chỉ hành động tạo tác theo thói quen của mỗi người. Nghiệp có nghiệp thiện, nghiệp ác, định nghiệp, bất định nghiệp, ... Nghiệp thiện là hành động lành đem lại sự an lạc cho chúng sanh. Nghiệp ác là hành động dữ làm đau khổ chúng sanh. Định nghiệp là hành động hoặc lành hoặc dữ có cộng tác với ý thức tạo thành nghiệp quyết định. Bất định là hành động hoặc lành hoặc dữ không cộng tác với ý thức nên thành nghiệp không quyết định.

b) **Báo:** là đền trả một cách công bằng, không sai chạy, không tiêu mất. Chúng ta có hành động lành hay dữ, kết quả của hành động ấy sẽ đến, sớm hay muộn thôi. Thí dụ chúng ta mắng chửi người là hành động dữ, người ấy sẽ mắng chửi lại ngay khi đó, hoặc thời gian khác, khó tránh khỏi. Sự thù đáp cân xứng gọi là báo. Báo có chia ba thứ: hiện báo, sanh báo và hậu báo. Hiện báo là quả báo hiện tại, những hành động lành hay dữ ngay trong đời này chịu quả báo. Sanh báo là quả báo đời sau, hành động tốt xấu của ba nghiệp, đến đời sau mới chịu quả báo. Hậu báo là về sau lâu xa mới chịu quả báo. Ví như vào đầu mùa mưa, chúng ta đồng thời gieo trồng hạt đậu phộng, trồng cây chuối, trồng cây mít. Đến tháng bao sau, chúng ta được kết quả có đậu phộng. Sang năm, chúng ta mới kết quả có chuối. Song ba bốn năm sau, chúng ta mới được kết quả có mít. Như thế, hành động đồng thời mà kết quả sai biệt, tùy loại khác nhau. Nếu chúng ta đòi hỏi ba thứ phải kết quả đồng thời là ngu xuẩn.

III. TỪ Đâu TẠO THÀNH NGHIỆP?

Nghiệp từ thân, miệng, ý chúng ta tạo nên. Bởi thân miệng ý chúng ta làm lành, nói lành, nghĩ lành nên tạo thành nghiệp lành. Thân miệng ý chúng ta làm dữ, nói dữ, nghĩ dữ tạo thành nghiệp dữ. Thế nên, chúng ta chủ nhân tạo nghiệp cũng chính chúng ta là chủ nhân thọ báo. Ngang đây chúng ta hãnh diện đã thoát khỏi mọi quyền lực thiêng liêng ban họa xuống phước. Chúng ta cũng hiên ngang thọ nhận tất cả quả khổ vui, mà không có một lời oán hờn than trách. Chúng ta không ngoan biết chọn lựa nghiệp nhân nào mình thích mà làm, không còn mù quáng làm càn bướng. Đây là sự trưởng thành, khi rõ nghiệp từ đâu có.

IV. TỪ Đâu CÓ BÁO ỨNG?

Sự báo ứng cũng chính nơi mình hiện ra. Mỗi khi chúng ta tạo nghiệp lành hay dữ, mắt chúng ta thấy cảnh ấy, tai chúng ta nghe tiếng ấy, hạt giống lành dữ ấy đã rơi vào tàng thức của chúng ta. Kẻ đối tượng bị chúng ta làm khổ vui cũng thế, do mắt thấy, tai nghe nên hạt giống biết ơn hay thù hận đã rơi vào tàng thức của họ. Khi nào đó, cả hai gặp lại nhau thì hạt giống ân oán ấy trỗi dậy, khiến hai bên tạo thêm một lần nghiệp lành dữ nữa. Cứ thế tạo mãi khiến nghiệp càng ngày càng đầy, ân oán càng ngày càng lớn. Như khi chúng ta gặp một người đang mắc phải cảnh khổ đến cơ hàn, hình ảnh buồn thảm khổ đau của họ hiện bày đầy đủ. Chúng ta trong tay có đủ phương tiện, liền giúp họ qua cơn khốn đốn, lúc đó trên gương mặt khổ đau đã ngả sang gương mặt vui tươi, sáng sủa. Chúng kiến hiện tượng ấy, hạt giống vui tươi đã rơi vào tàng thức chúng ta. Nếu mỗi ngày chúng ta đều gieo vào tàng thức những hạt giống vui tươi, đến khi thân này sắp hoại, chúng ta không còn đủ nghị lực làm chủ, những hình ảnh vui tươi ấy sẽ hiện đến với chúng ta, mời chúng ta đến cảnh vui tươi. Ngược lại, mỗi ngày chúng ta cứ gieo rắc khổ đau cho người, những hạt giống khổ đau chứa đầy trong tàng thức chúng ta, đến khi hơi tàn, lực tận những hình ảnh đó sống dậy, đuổi bắt đánh đập chúng ta, khiến chúng ta phải chạy chui vào cảnh khổ. Đó là nghiệp báo khổ vui của mai kia. Nghiệp báo không phải từ đâu đến, mà chính từ tàng thức chúng ta hiện ra. Người xưa thần thánh hóa khả năng chứa đựng của tàng thức bằng ông thần độ mạng.

Bảo rằng ông thường theo dõi chúng ta, và ghi chép hết mọi hành động thiện ác của chúng ta, để báo cáo với Thiên đình hay Diêm chúa. Hoặc cụ thể hóa tàng thức chứa đựng bằng Đài gương nghiệp cảnh. Bảo rằng chúng ta làm lành hay dữ, sau khi chết đến chỗ Diêm vương, ở trước sân triều có cái gương lớn, người làm lành dữ đến trước gương đều hiện rõ ràng đầy đủ, không thể chối cãi được.

V. NGHIỆP BÁO KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN

Sự góp nhặt gieo vào tàng thức là một lẽ thật, không phải việc huyền hoặc, do không tưởng bịa ra. Đây thử cử một thí dụ, khi chúng ta muốn học thuộc lòng một bài thơ. Chúng ta đọc một lần, hai lần, cho đến nhiều lần tự thấy nó thuộc. Cái thuộc ấy là do đâu, chẳng qua mỗi lần chúng ta đọc, hạt giống ấy rơi vào tàng thức, đọc nhiều lần, hạt giống ấy càng trưởng thành mạnh mẽ, đây gọi là thuộc. Thuộc xong chúng ta không đọc nữa, thỉnh thoảng trong tàng thức nó trỗi dậy, mỗi lần trỗi dậy, chúng ta ôn lại đôi ba phen, thế là thuộc lại càng thuộc. Từ miệng chúng ta đọc, hạt giống thơ rơi vào tàng thức gọi hiện hạnh huân chủng tử. Từ tàng thức thơ trỗi dậy, gọi là chủng tử khởi hiện hạnh. Chúng ta ôn lại đôi ba lần, gọi là hiện hạnh huân chủng tử. Thế là sự huân khởi không thể nghĩ bàn. Nếu cả đời chúng ta huân chủng tử nào nhiều nhất, đời sau sanh ra hạt giống ấy sống dậy sớm nhất. Bởi thế mới có các vị thần đồng, xuất hiện, như Mạc Đĩnh Chi ở Việt Nam mười hai tuổi đã thông suốt thi pháp, Bạch Cự Di ở Trung Hoa chín tuổi đã làm thơ, Pascal ở Pháp mười hai tuổi đã thông Kỉ hà học, cho đến cùng học một lớp mà mỗi đứa bé đều có khả năng riêng.

Khi trong kho tàng thức còn chứa chủng tử thì sự huân khởi không thể nghĩ bàn. Vì thế nó có sức mạnh lôi kéo chúng ta đi thọ sanh trong lục đạo không có ngày dừng. Thế nên, nói đến nghiệp báo là nói đến sự luân hồi sanh tử.

VI. LÀM SAO HẾT NGHIỆP

Nghiệp đã do chúng ta gây tạo biến chủng tử huân vào tàng thức. Muốn hết nghiệp cũng do chúng ta khéo loại hết những chủng tử nghiệp ở trong tàng thức ra. Khi kho tàng thức sạch chủng tử thì sức mạnh lôi vào sanh tử không

còn. Khi chủng tử còn trong kho ấy, gọi là tàng thức, là nhân sanh tử. Khi chủng tử trong kho ấy sạch hết, gọi là không Như Lai tàng, là kho Như Lai trống, tức là dứt mầm sanh tử. Vì thế muốn hết nghiệp sanh tử, chúng ta phải ứng dụng những phương pháp tu để tiêu diệt các hiện hạnh từ chủng tử dấy khởi. Ví như khi chúng ta học thuộc lòng một bài thơ, song mỗi lần nhớ lại, chúng ta đều bỏ qua, thời gian lâu bài thơ ấy sẽ quên bằng. Những chủng tử khác cũng thế, mỗi khi khởi hiện hạnh, chúng ta đều thông qua chẳng cho hình ảnh sống lại, lâu ngày tự nhiên nó mất. Phương pháp niệm Phật, Trì chú, Tọa thiền đều nhắm vào mục đích này.

VII. KẾT LUẬN

Thấy rõ lý nghiệp báo, chúng ta cố gắng tạo điều kiện thuận tiện để được quả báo toàn vui, nếu còn chấp nhận ở trong sanh tử. Sự chọn lựa khổ vui là quyền sở hữu của chúng ta, không phải Thần Thánh, cũng không phải ai khác, có quyền ban khổ vui cho chúng ta. Quyền năng sắp đặt một cuộc sống mai kia, đều do bàn tay chúng ta gây dựng. Nếu một khi nào đó, chúng ta không chấp nhận cuộc sống luân hồi nữa, cũng chính chúng ta loại bỏ những mầm sanh tử đang chứa chấp trong tàng thức của chúng ta. Thế là, chúng ta đã giành quyền với tạo hóa, đã tước bỏ quyền lực của thần linh và độc tôn trong việc thoát ly sanh tử.

KẾT LUẬN

Những vấn đề đã trình bày qua, chúng tôi cố gắng cô đọng trong một khuôn khổ rất nhỏ hẹp, giống như việc “lấy thúng úp voi”, khó tránh khỏi lỗi khó hiểu và thiếu sót. Chúng tôi chỉ mong độc giả nhận được then chốt của mỗi vấn đề, cần đi sâu vào chi tiết, sẽ nhờ những quyển kinh sách khác, hoặc nhờ sự dẫn dắt của Tăng, Ni hay Thiện hữu. Ôn lại then chốt thiết yếu, có thể nói:

Phật là người đã giác ngộ và giải thoát sanh tử, đó là vị trí căn bản của Ngài. Chúng ta đừng xê dịch, đừng tô điểm, đừng ép buộc Ngài phải rời chỗ căn bản ấy.

Phật pháp là những lời giảng dạy chỉ ra lẽ thật: Lẽ thật trên hình tướng sự vật là nhân quả, lẽ thật trong sự cấu tạo kết hợp là duyên sanh, lẽ thật thâm lặng trong bản thể là Chân không hay Phật tánh.

Học Phật là tiến bước trên con đường giác ngộ, là nhận hiểu phán xét những lẽ thật của Phật dạy, đem chỗ nhận hiểu ứng dụng vào cuộc sống con người. Thực hiện được những điều này, cần nhờ cặp mắt trí tuệ sáng suốt mới thành công.

Tu Phật là ứng dụng những lẽ thật đã nhận xét được vào cuộc sống hàng ngày của mình. Gỡ sạch mọi phiền não kiến chấp đang trói buộc khấn chặt trong tâm tư chúng ta, đem lại sự an lạc ngay trong hiện tại và miên viễn ở vị lai. Chẳng những thế, tu Phật còn có nghĩa vượt ra ngoài đối đãi sanh diệt, thoát khỏi mọi khuôn khổ hạn cuộc, làm người tự do tự tại.

Với những điểm chủ yếu trên, chúng ta nhận thức chắc chắn sâu xa, là trong tay đã có sẵn ngọn đuốc sáng, trên con đường về quê ắt không đến nỗi lạc lăm. Giá trị của Phật pháp là biết để hành, không phải biết để nói. Thực hành sau chừng nào, càng thấy giá trị Phật pháp cao chừng ấy. Biết để nói, là người trình bày đủ mọi thức ăn, mà bụng vẫn đói; là nhân viên phát ngân trong ngân hàng cả ngày đếm tiền, khi ra về chỉ hai tay không. Chúng tôi ước mong độc giả của quyển sách này không đến nỗi như thế.

(Tái bản lần thứ hai)

Thích Thanh Từ

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Nhà số 4 – lô 11 – Trần Duy Hưng – Hà Nội

Điện thoại: 04-5566701 – Fax 04-5566702

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN THANH XUÂN

Biên tập: ĐỖ THỊ QUỲNH

Trình bày: TV. HƯƠNG HẢI

Đối tác liên kết: Ni Sư THUẦN GIÁC

In 2000 bản, khổ 10.5 x 19 cm

Tại Cty TNHH IN KHUYẾN HỌC PHÍA NAM, Q.3 TP HCM

Số xuất bản: 117-2006/CXB/109-10/TG

Quyết định Xuất bản số: 249/QĐ-TG ngày 12.05.2006

In xong nộp lưu chiểu: Quý III năm 2006